

Bản án số: 13/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 5- 2018.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Minh Phương

Ông Cao Đức Giang

***- Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2018/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm A, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/4/2018).

*Bị đơn:* Anh Lê Hữu N, sinh năm 1988 . Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2018, bản tự khai ngày 28/02/2018, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hữu N kết hôn với nhau vào ngày 10/4/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng

không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không còn chị Nguyễn Thị D xin ly hôn anh Lê Hữu N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

- Bị đơn anh Lê Hữu N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh Lê Hữu N có mặt tại địa phương, nhận văn bản của Tòa án nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có bản tự khai cho Tòa án. Tại biên bản giao nhận ngày 30/3/2018 anh N có trình bày ý kiến về việc chị D xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì chỉ có vợ lấy chứ không có vợ bỏ.

*Đại diện VKS phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Hữu N.

Về quan hệ con chung: Không có con chung

Về quan hệ tài sản: Chị D không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Lê Hữu N có địa chỉ tại xóm P, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

[2]. Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn anh Lê Hữu N hai lần thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không tiến

hành hòa giải được. Phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Lê Hữu N nhưng anh N vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh N nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hữu N kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 4 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hữu N xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Điều này phù hợp với việc xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị D và anh N do UBND xã H cung cấp. Vợ chồng chị D và anh N đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Hữu N.

[4]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung

[5]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình. Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Hữu N.
2. Về con chung: Không có con chung.
3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 0004433 ngày 23/02/2018

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện D;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Đình Lâm**